

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

13.41 mol/kg Lithium Chloride

1. NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

- Nhà sản xuất: Meter group, Inc. USA

2365 NE Hopkins Court, Pullman, WA 99163 USA

509-332-2756

- Công thức: Lithium Chloride

- Nồng độ: 13.41 mol/kg; 36.24%

- Cấu tạo (thành phần): LiCl trong nước

TSCA: Có

TLV/TWA: Chưa xác nhận

Độc tính: N/A

STEL: N/A

PEL: N/A

2. NHẬN DIỆN NGUY CƠ

Sản phẩm này là có hại nếu nuốt phải, được phân loại trong độc cấp tính – đường uống.

Những đánh giá NFPA: Về sức khỏe: 1

Tính dễ cháy: 0

Tính phản ứng: 0

3. THÔNG TIN THÀNH PHẦN

<u>Tên hóa học</u>	<u>Số CAS</u>
Lithium Chloride	7447-41-8
Nước cất	7732-18-5

4. BIỆN PHÁP SƠ CẤP CỨU

Gọi bác sĩ khi:

- Hít phải: Nếu không thoải mái, đưa người đến nơi không khí trong lành và giữ vị trí nghỉ ngơi.

- Tiếp xúc da: Rửa những vùng tiếp xúc với nhiều nước.

- Tiếp xúc mắt: Xối nhiều nước lên mắt. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.

- Nuốt phải: Không hỗ trợ gây nôn. Xúc miệng với nhiều nước. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương án chữa cháy: Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh khu vực xung quanh.

- Biện pháp chữa cháy đặc biệt: nhân viên cứu hỏa nên mang trang thiết bị bảo hộ phù hợp và thiết bị thở độc lập kín luôn mặt có tác dụng tích cực.

Nhiệt độ tự động cháy: N/A

Mức nổ thấp: N/A

NFPA: N/A

Sản sinh khí độc: N/A

Nguy cơ cháy nổ bất thường: N/A

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TAI NẠN

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân: Đảm bảo thông gió tốt, đặc biệt những khu vực hạn chế. Tránh hít phải hơi, sương mù hoặc khí gas. Sơ tán người đến khu vực an toàn. Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem phần VIII về các khuyến nghị bảo hộ cá nhân.

- Biện pháp phòng ngừa môi trường: Ngăn sự ô nhiễm đất, đường ống, và nước bề mặt. Không xả tràn ra nước mặt hoặc vệ sinh hệ thống cống rãnh. Xem phần XII về thông tin sinh thái.

- Trong trường hợp tràn đổ hoặc phóng thích: Ngăn chặn sự lan rộng và tràn đổ nếu có thể an toàn làm như vậy. Thẩm hút với chất hấp thụ trợ và xử lý như là rác thải nguy hiểm. Giữ trong các hộp kín để xử lý.

- Xử lý tràn đổ và chất thải: Theo luật liên bang, tiểu bang, và khu vực về chất thải.

- Chất thải nguy hại theo EPA #: N/A.

7. SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ

- Sử dụng: Tuân thủ thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp.

- Bảo quản: Bảo quản kín trong vật chứa ban đầu. Giữ kín các vật chứa. Bảo quản ở nơi mát mẻ và khô ráo.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Thông gió: Có khu vực thoát khí. Sử dụng khu vực có thông gió tốt.
- Bảo vệ hô hấp: Bảo vệ hô hấp không có yêu cầu. Trong trường hợp khó chịu khi tiếp xúc, hô hấp và các thành phần được kiểm tra và phê duyệt theo tiêu chuẩn chính phủ phù hợp như NIOSH (US) hoặc CEN (EU).
- Bảo vệ cá nhân: Nếu có nguy cơ bắn tung tóe, hãy sử dụng kính bảo hộ có tấm chắn. Sử dụng găng tay bảo hộ phù hợp và tránh tiếp xúc với da và mắt.
- Khác: Áo khoác phòng thí nghiệm/ tạp giề; thông hơi.

9. THÔNG TIN VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

- Trạng thái: Chất lỏng không màu.
- Mùi: Không mùi.
- pH: N/A.
- Khối lượng riêng: 42.39
- Điểm sôi: N/A.
- Áp suất hơi: N/A.
- Mật độ hơi: N/A.
- Điểm đóng băng: N/A.
- Trọng lực đặc biệt ($H_2O = 1$): N/A.
- Tính tan trong nước: Hoàn toàn.
- Điểm chớp cháy: N/A.

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện bảo quản và sử dụng được khuyến nghị.
- Các điều kiện cần tránh: Hơi nóng, những vật liệu không tương thích, một vài kim loại.
- Vật liệu cần tránh: Hợp chất có tính oxi hóa mạnh, chất có tính axit mạnh.
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến giải phóng khói khó chịu và khí độc, axit clohydric, lithi oxit.
- Khả năng phản ứng nguy hiểm: Có thể phản ứng nhanh với chất oxi hóa.

- Trùng hợp: Trùng hợp nguy hiểm không xảy ra.
- Ăn mòn: Ăn mòn một số kim loại.

11. THÔNG TIN ĐỘC HẠI

- Hít phải: Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Đảm bảo cung cấp không khí trong lành.
- Tiếp xúc da: Có thể gây kích ứng da.
- Tiếp xúc mắt: Văng vào mắt có thể gây kích ứng, đỏ và đau. Rửa ngay lập tức với nhiều nước.
- Nuốt phải: Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt. Nuốt phải có thể gây kích ứng và gây bỏng đường tiêu hóa trên, cũng như buồn nôn, nôn, đau đầu, và ho.
- Cảnh báo sức khỏe: Sự ảnh hưởng có thể bị trì hoãn. Thử nghiệm uống ở chuột: LD50: 526 mg/kg, thử nghiệm trên da ở chuột LD50: 1488 mg/kg.

Gây ung thư: NTP: Không IARC: Không ZLIST: Không OSHA Reg: Không

12. THÔNG TIN SINH THÁI (KHÔNG BẮT BUỘC)

- Về thông tin sinh thái: Không có dữ liệu cụ thể hoặc thông tin có sẵn về tác động đến môi trường. Được coi là có độc tính thấp đối với các sinh vật dưới nước.
- Về tính biến đổi: Tan trong nước. Dự đoán có tính thấm thấu cao trong đất.

13. THÔNG TIN THẢI BỎ (KHÔNG BẮT BUỘC)

- Cách thải bỏ nên phù hợp với nguyên tắc chăm sóc và tuân thủ các quy định của địa phương và quốc gia.
- Thông tin liên quan: Giữ xa đường ống, cống, mương và đường thủy.
- Bao bì bị ô nhiễm: Bao bì sau khi sử dụng phải rửa ba lần trước khi thải bỏ.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN (KHÔNG BẮT BUỘC)

Tổng quan: Hàng hóa không được quy định, hoặc không nguy hiểm, hoặc không có nguy cơ, hoặc không có hạn chế trong quá trình vận chuyển bởi IATA

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT (KHÔNG BẮT BUỘC)

LUẬT LIÊN BANG

TSCA

- CAS# 7447-41-8 VÀ 7732-18-5 được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA

- Danh sách báo cáo về sức khỏe và an toàn

Không có hóa chất nào được liệt kê trong danh sách báo cáo về sức khỏe và an toàn

- Luật kiểm tra hóa chất

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này theo luật kiểm tra hóa chất

- Phần 12b

Không có hóa chất nào được liệt kê theo TSCA phần 12b

- Quy tắc sử dụng mới TSCA

Không có hóa chất nào trong nguyên liệu này có SNUR theo TSCA

SARA

- Phần 302 (RQ): Không có hóa chất nào trong nguyên liệu này có RQ

- Phần 302 (TPQ): Không có hóa chất nào trong sản phẩm này có TPQ

- SARA Codes

Không

- Phần 313: Không có hóa chất nào trong báo cáo theo phần 313

- Kiểm soát ô nhiễm không khí theo luật Mỹ

Nguyên liệu này không chứa bất kỳ nguy cơ ô nhiễm không khí. Nguyên liệu này không chứa các chất làm suy giảm tầng Ozôn cấp I. Nguyên liệu này không chứa các chất làm suy giảm tầng Ozôn cấp II.

- Kiểm soát ô nhiễm nước theo luật Mỹ

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê như là chất độc hại theo CWA. Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê như là chất gây ô nhiễm ưu tiên theo CWA. Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê như là chất ô nhiễm độc hại theo CWA.

- OSHA

OSHA không có xem xét bất kỳ hóa chất trong sản phẩm này là rất nguy hiểm.

LUẬT TIỂU BANG

- CAS# 7447-41-8 và 7732-18-5 không có mặt trong danh sách tiểu bang từ CA, PA, MN, MA, FL, hoặc NJ.
- California không có mức rủi ro đáng kể: Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê.

LUẬT QUỐC GIA

- Ghi nhãn Châu Âu theo chỉ thị của EC
- Biểu tượng nguy cơ: Không
- Cụm rủi ro: Không
- Cụm an toàn: Không
- WGK (nguy hiểm/ bảo vệ nguồn nước): CAS# 7447-41-8 và 7732-18-5
- Canada

CAS# 7447-41-8 và 7732-18-5 được liệt kê trong danh sách DSL của Canada.

CAS# 7447-41-8 và 7732-18-5 không được liệt kê trong danh sách công bố thành phần của Canada.

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn thông tin: Phân loại sản phẩm theo quy định CHIP3. (Thông tin nguy cơ hóa chất và bao bì được cung cấp bởi quy định 2002.

LƯU Ý:

Dữ liệu đã nói ở trên được biên soạn chỉ cho thông tin an toàn và không tạo thành một phần cho bất kỳ kỹ thuật bán hàng nào. Thông tin chứa trong dữ liệu trên là kiến thức tốt nhất của METER tại thời điểm xuất bản. Khách hàng phải luôn tự hài lòng rằng sản phẩm của chúng tôi hoàn toàn phù hợp với mục đích của họ trong điều kiện sử dụng và tuân thủ các quy định hiện hành. Nếu cần bất kỳ thông tin nào khác, vui lòng liên hệ nhà cung cấp.